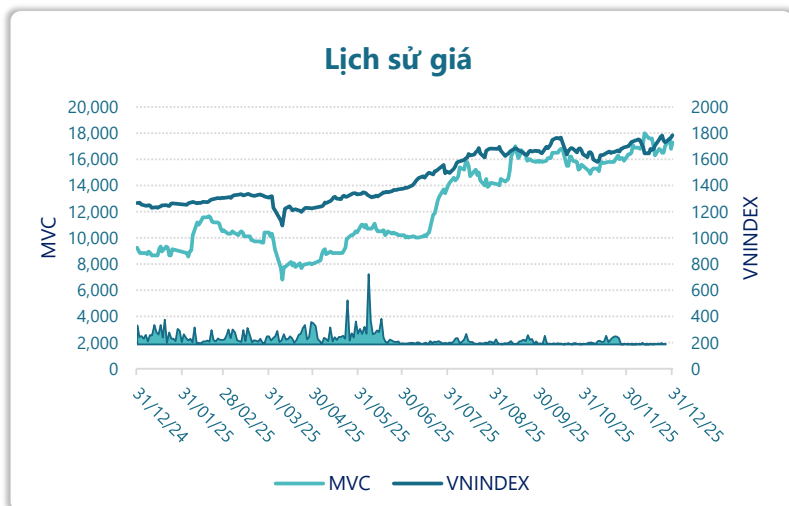


CTCP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCOM: MVC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	17,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,810
SL cổ phiếu LH	100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	173,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,730
P/E	10.1
EPS	1,717

DT thuần

Q4/25

222

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0 | 15.8%

YoY: ▲ 35.0 | 18.9%

LN sau thuế

Q4/25

67.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.0 | 89.9%

YoY: ▲ 42.9 | 174%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

28.9%

+/- YoY: ▲ 10.0%

DT thuần

2025

748

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 147 | 24.4%

LN sau thuế

2025

172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 85.7 | 98.9%

ROE

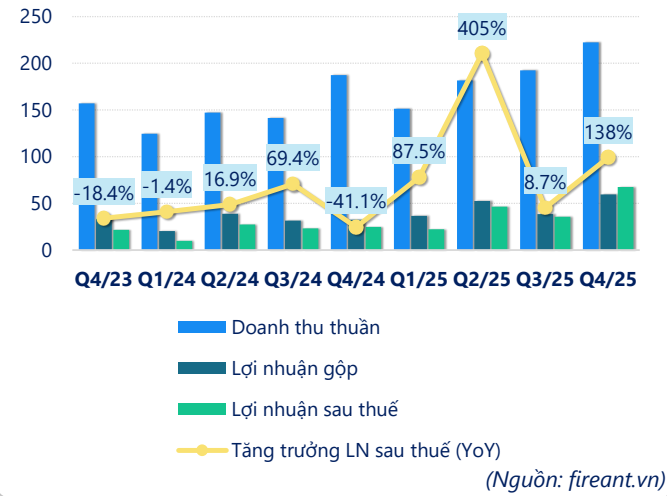
2025

13.4%

+/- YoY: ▲ 6.2%

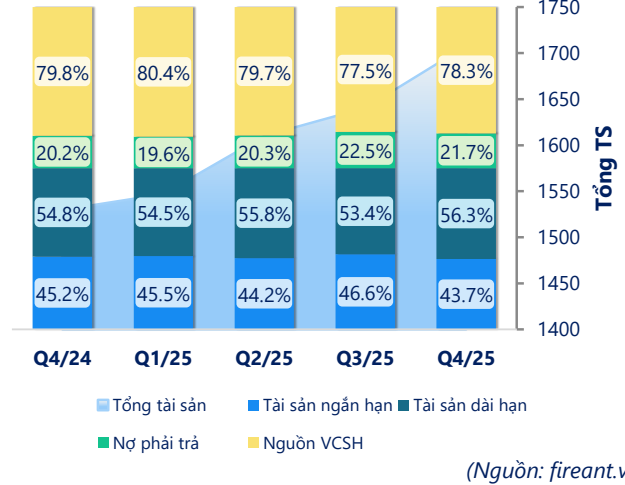
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

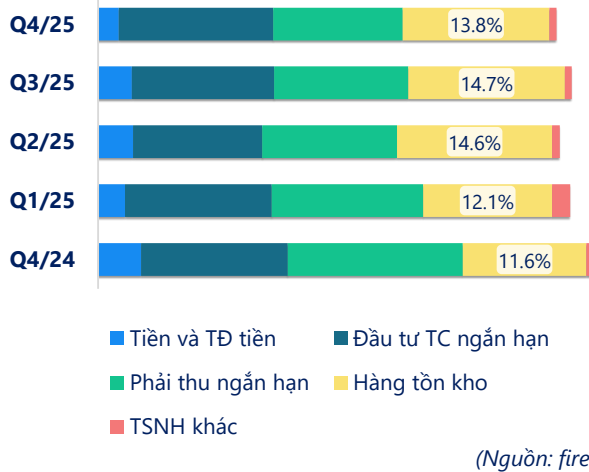


Cơ cấu Tổng tài sản

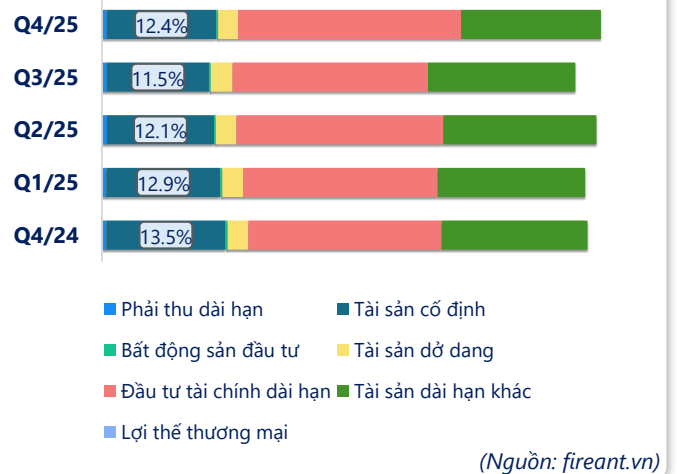
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

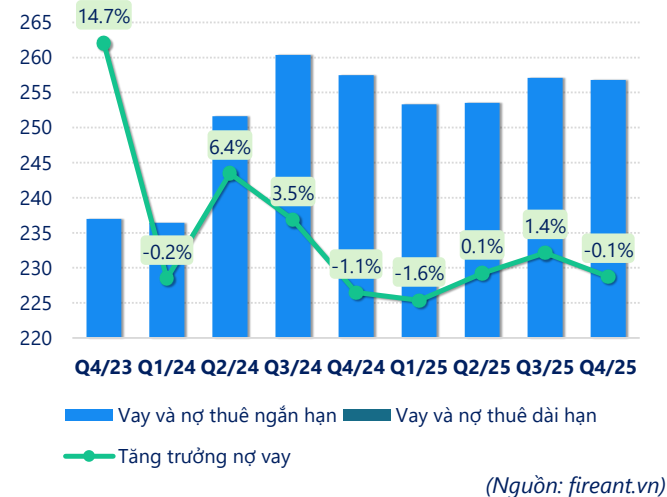


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



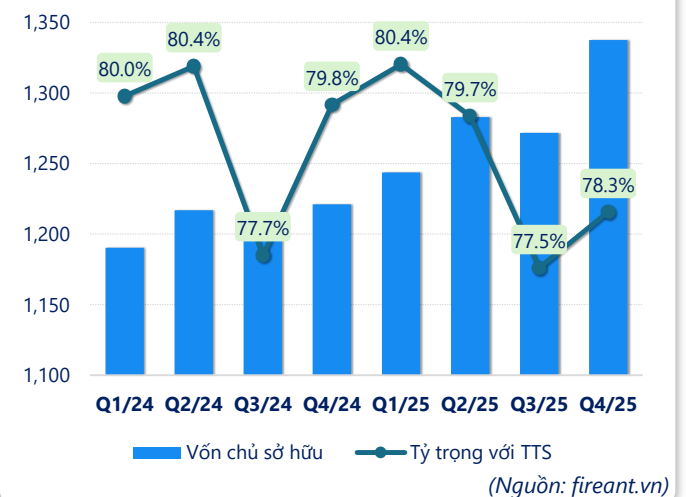
tỷ VNĐ

Nợ vay

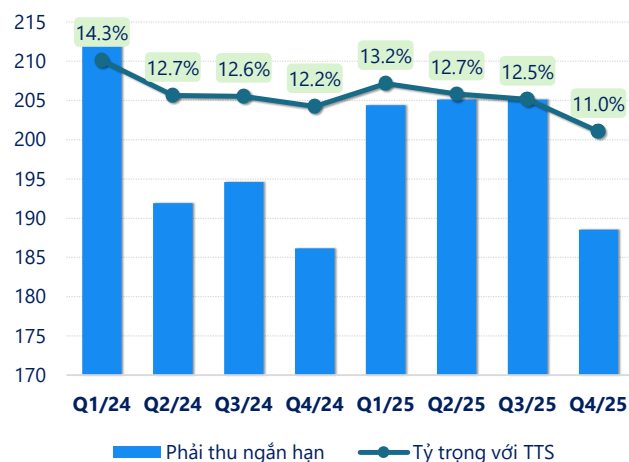


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

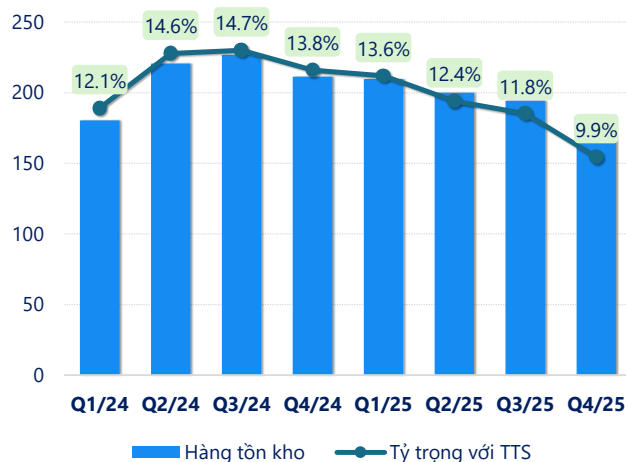


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


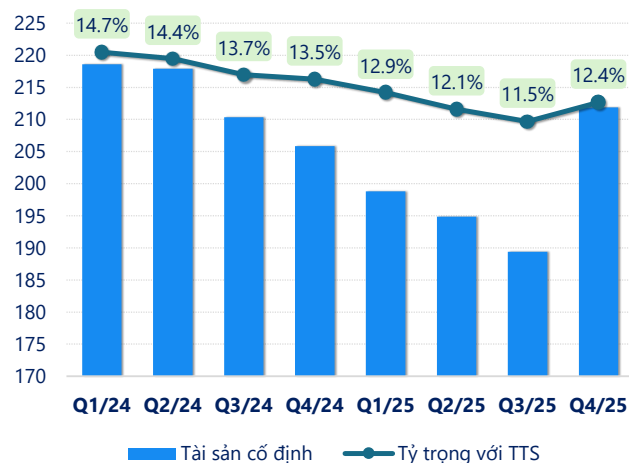
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


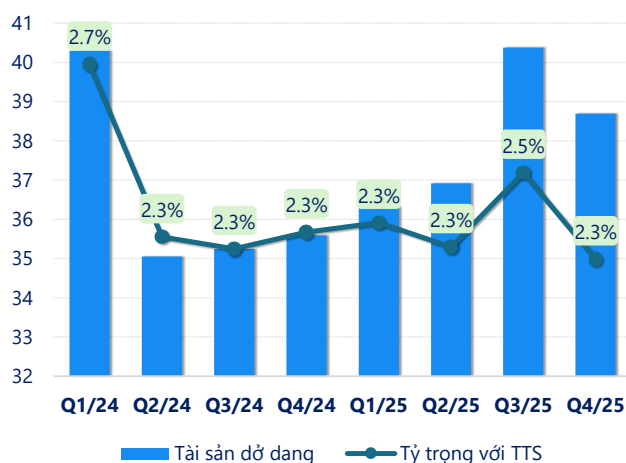
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

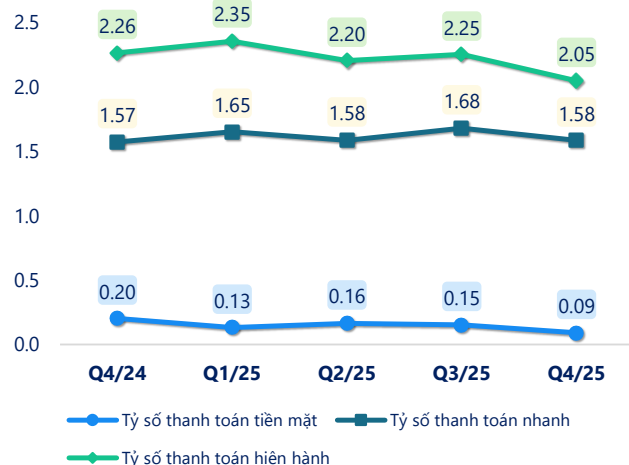
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

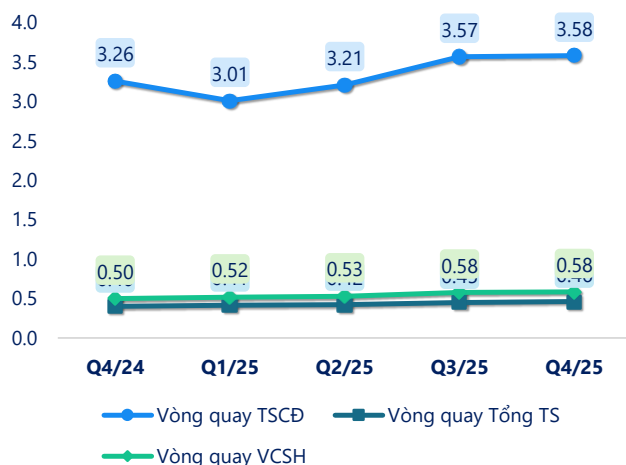
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,530	1,547	1,610	1,641	1,708
Tài sản ngắn hạn	691	704	712	765	746
Tiền và tương đương tiền	61.8	39.3	53.0	52.0	33.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	238	243	304	349
Phải thu ngắn hạn	186	204	205	205	189
Hàng tồn kho	211	210	200	194	169
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	12.7	10.5	8.77	6.57
Tài sản dài hạn	838	843	898	876	962
Phải thu dài hạn	7.49	7.82	8.80	8.80	8.80
Tài sản cố định	206	199	195	189	212
Bất động sản đầu tư	3.61	3.47	3.34	3.21	3.09
Tài sản dở dang	35.6	36.3	36.9	40.4	38.7
Đầu tư tài chính dài hạn	333	339	376	362	430
Tài sản dài hạn khác	252	257	278	272	270
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	308	303	327	369	370
Nợ ngắn hạn	305	299	323	340	364
Vay và nợ thuê ngắn hạn	257	253	254	257	257
Phải trả người bán ngắn hạn	16.3	21.0	11.9	14.9	23.3
Nợ dài hạn	3.05	4.15	4.35	29.2	5.89
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,221	1,244	1,283	1,272	1,338
Vốn chủ sở hữu	1,221	1,244	1,283	1,272	1,338
Vốn điều lệ	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)